TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2024/DS-ST.
Ngày: 30-9-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Võ Thị Trong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bản Việt, địa chỉ: Toà nhà HM Town số 412, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang Trung- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Ông Phạm Xuân S, địa chỉ: Số nhà 504, đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 13 tháng 8 năm 2024). (vắng mặt)

2. Ông Trịnh Công D, địa chỉ: Số 143, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (giấy ủy quyền ngày 13 tháng 8 năm 2024). (có mặt)

3. Ông Phan Quang T, địa chỉ: Số nhà 41 Trà Quý Bình, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An (giấy ủy quyền ngày 13 tháng 8 năm 2024). (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp M, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Bản Việt trình bày trong đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt cho ông Lê Tấn T vay số tiền là 1.800.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 0162200083900 ngày 17 tháng 11 năm 2022. Mục đích vay tiền là để sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 13,3%/năm. Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt đã giải ngân cho ông Lê Tấn T vay số tiền là 1.800.000.000 đồng vào ngày 17 tháng 5 năm 2023.

Tài sản thế chấp: Ông Lê Tấn T thế chấp cho ngân hàng các thửa đất sau:

- Thửa đất số 55 (diện tích là 2.027,3 m^2, loại đất lúa), 65 (diện tích là 1.135,8 m^2, loại đất lúa) cùng tờ bản đồ số 16 xã Dương Xuân Hội, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062800 ngày 01/11/2018, đất do ông Lê Tấn T đứng tên. Đăng ký thế chấp ngày 02 tháng 11 năm 2018. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0161800062801 ngày 13/5/2019, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 0161800062802 ngày 17/11/2022, có đăng ký thế chấp.

- Thửa đất số 41 (diện tích là 4.494,6 m^2, loại đất lúa), 64 (diện tích là 2.046,8 m^2, loại đất lúa) cùng tờ bản đồ số 16 xã Dương Xuân Hội, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055200 ngày 25/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055201 ngày 13/5/2019, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055202 ngày 17/11/2022, đất do ông Lê Tấn T đứng tên. Đăng ký thế chấp ngày 17/11/2022.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông Lê Tấn T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng. Ngân hàng nhắc nhở, đôn đốc nhiều lần, nhưng ông Lê Tấn T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Nay ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt yêu cầu ông Lê Tấn T trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 gồm: tiền lãi trong hạn là 120.683.836 đồng, lãi quá hạn là 313.843.562 đồng, lãi chậm trả lãi là 10.547.437 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 cho đến khi ông Lê Tấn T trả xong nợ gốc. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông T không có vợ theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 07 tháng 11 năm 2022 của UBND xã Dương Xuân Hội. Trước đây, ông Lê Tấn T có vợ là bà Trần Thị Hiệp, bà Hiệp đã chết năm 2017 (xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 07 tháng 11 năm 2022 của UBND xã Dương Xuân Hội, BL số 133), ông Lê Tấn T được hưởng thừa kế các thửa đất trên, sau đó ông Lê Tấn T thế chấp các thửa đất cho ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt để vay tiền.

Bị đơn là ông Lê Tấn T không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Nội dung: Nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là hợp đồng tín dụng số 0162200083900 ngày 17 tháng 11 năm 2022. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng tín dụng số 0162200083900 ngày 17 tháng 11 năm 2022. Hợp đồng tín dụng trên được các đương sự tự nguyện thỏa thuận và xác lập, phù hợp với quy định của pháp luật, nên hợp đồng tín dụng trên là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt yêu cầu ông Lê Tấn T trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 gồm: tiền lãi trong hạn là 120.683.836 đồng, lãi quá hạn là 313.843.562 đồng, lãi chậm trả lãi là 10.547.437 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Lê Tấn T trả xong số nợ trên. Ngân hàng yêu cầu xử lý T sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông Lê Tấn T không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn cung cấp được đầy đủ chứng cứ để chứng minh là bị đơn có vay tiền và còn nợ tiền vay như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 gồm: tiền lãi trong hạn là 120.683.836 đồng, lãi quá hạn là 313.843.562 đồng, lãi chậm trả lãi là 10.547.437 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi

theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 cho đến khi ông Lê Tấn T trả xong số nợ trên.

[5] Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 55 (diện tích là 2.027,3 m^2, loại đất lúa), 65 (diện tích là 1.135,8 m^2, loại đất lúa) cùng tờ bản đồ số 16 xã Dương Xuân Hội, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062800 ngày 01/11/2018, đất do ông Lê Tấn T đứng tên, đăng ký thế chấp ngày 02/11/2018. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0161800062801 ngày 13/5/2019, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 0161800062802 ngày 17/11/2022, có đăng ký thế chấp ngày 17/11/2022.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 41 (diện tích là 4.494,6 m^2, loại đất lúa), 64 (diện tích là 2.046,8 m^2, loại đất lúa) cùng tờ bản đồ số 16 xã Dương Xuân Hội, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055200 ngày 25/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055201 ngày 13/5/2019, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055202 ngày 17/11/2022, đất do ông Lê Tấn T đứng tên, đăng ký thế chấp ngày 17/11/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062800 ngày 01/11/2018, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055200 ngày 25/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062801 ngày 13/5/2019, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062802 ngày 17/11/2022, đất do ông Lê Tấn T đứng tên, đăng ký thế chấp ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nên cần tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thi hành án. Nguyên đơn đồng ý chừa lại cho bị đơn diện tích đất mồ mã của bà Trần Thị Hiệp khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền là 4.000.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt, buộc ông Lê Tấn T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 gồm: tiền lãi trong hạn là 120.683.836 đồng, lãi quá hạn là 313.843.562 đồng, lãi chậm trả lãi là 10.547.437 đồng, tiếp tục tính lãi với lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số 0162200083900 ngày 17 tháng 11 năm 2022 từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 cho đến khi ông Lê Tấn T trả xong số tiền nợ.

2. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062800 ngày 01/11/2018, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800055200 ngày 25/10/2018, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062801 ngày 13/5/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0161800062802 ngày 17/11/2022, đất do ông Lê Tấn T đứng tên, đăng ký thế chấp ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Long An, để đảm bảo việc thi hành án. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt về việc chừa lại cho ông Lê Tấn T diện tích đất mồ mã của bà Trần Thị Hiệp khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3. Ông Lê Tấn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt đã nộp tạm ứng số tiền này. Buộc ông Lê Tấn T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.407.000 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008844 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Lê Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 76.901.500 đồng (bảy mươi sáu triệu chín trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng).

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng